

BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM 2024 VÀ TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG NĂM 2025

- PGS, TS. TRẦN VIỆT DŨNG*
- PGS, TS. PHẠM MẠNH HÙNG*
- THS. NGUYỄN NHẬT MINH*
- THS. TRƯƠNG HOÀNG DIỆP HƯƠNG*

● NGÀY NHẬN BÀI: 16/12/2024 ● NGÀY BIÊN TẬP: 28/12/2024 ● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 3/1/2025



* HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

Tóm tắt: Năm 2024, kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức, như sự phục hồi yếu của kinh tế toàn cầu, chính sách tiền tệ điều chỉnh ở các nước lớn và nhu cầu tiêu dùng nội địa thấp. Tình hình thiên tai, đặc biệt là bão Yagi (bão số 3), cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên, GDP Việt Nam năm 2024 vẫn đạt và vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Sử dụng dữ liệu thứ cấp từ các bộ cơ sở dữ liệu uy tín như Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Widata... kết hợp với phương pháp phân tích, đánh giá thực trạng, bài viết nêu bật tổng quan bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2024, nhận định triển vọng cũng như thách thức cho tăng trưởng của Việt Nam năm 2025. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2025.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, Việt Nam, triển vọng, chính sách tiền tệ

AN OVERVIEW OF VIETNAM'S ECONOMIC PERFORMANCE IN 2024 AND 2025 OUTLOOK

Abstract: In 2024, Vietnam's economy faced many challenges, such as weak recovery of the global economy, monetary policy adjustments in major countries, and low domestic consumption demand. The situation has been exacerbated by natural disasters, particularly Yagi Hurricane, which severely impacted production and livelihoods. Despite these difficulties, Vietnam's GDP has reached and exceeded target set by the General Assembly. Using secondary data from reputable databases such as the General Statistics Office, State Bank of Vietnam, Widata,... combined with analysis and assessment methods, this paper highlights an overview picture of the economic of Vietnam in 2024, assessing the prospects and challenges for Vietnam's growth in 2025. Hence, this paper proposes several recommendations and solutions to support promoting Vietnam's economic growth in 2025.

Keywords: Economic growth, Vietnam, outlook, monetary policy

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động mạnh mẽ, bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2024 hiện lên với nhiều thách thức và cơ hội. Được xem là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất khu vực Đông Nam Á, Việt Nam phải đối mặt với những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, cùng với những vấn đề nội tại diễn ra trong nước. Từ những biến động trong chính sách tiền tệ của các nước lớn đến sự phục hồi chậm chạp của thị trường tiêu dùng, tất cả đều tác động sâu sắc đến tình hình kinh tế của Việt Nam. Đặc biệt, sự phục hồi yếu kém của nền kinh tế toàn cầu, với tăng trưởng GDP toàn cầu chỉ khoảng 2,7%, đã làm giảm sức cầu từ các thị trường xuất khẩu truyền thống như Mỹ và EU. Thêm vào đó, các chính sách tiền tệ thắt chặt những năm sau đại dịch COVID-19 từ các ngân hàng trung ương lớn đã tạo ra những áp

lực không nhỏ lên nền kinh tế Việt Nam. Trong khi đó, tình hình thiên tai, đặc biệt là cơn bão số 3, đã gây ra thiệt hại lớn về kinh tế và đời sống, làm chậm quá trình phục hồi của nhiều địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những thách thức, Việt Nam vẫn có những triển vọng tích cực từ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, như thúc đẩy đầu tư công, miễn giảm thuế và cải cách hành chính.

Năm 2025 mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng với kinh tế Việt Nam vì đây năm tăng tốc, bứt phá, về đích; phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Các động lực tăng trưởng mới như chuyển đổi số, phát triển xanh và du lịch bền vững đang dần hình thành, tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai. Tuy nhiên, việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và nâng cao năng lực cạnh tranh là những nhiệm vụ cấp bách mà Chính phủ cần thực

hiện để đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra. Bài viết phân tích chi tiết bức tranh kinh tế Việt Nam trong năm 2024, nhận định triển vọng và thách thức cho năm 2025, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh đầy biến động hiện nay.

1. BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024

Kinh tế Việt Nam trong năm 2024 đối mặt với nhiều thách thức, biến động xuất phát từ cả bối cảnh kinh tế toàn cầu, cũng như các vấn đề nội tại của kinh tế trong nước.

Thứ nhất, tại thị trường quốc tế, xu hướng phục hồi đã diễn vào những tháng cuối năm sau giai đoạn suy giảm trong quý III/2024, tuy nhiên mức độ phục hồi vẫn còn yếu và chưa đạt đến giai đoạn tăng trưởng đột phá (thể hiện qua kết quả PMI sản xuất đa phần dưới hoặc xoay quanh ngưỡng điểm 50-Hình

1). Ở giai đoạn này, các điều kiện kinh doanh trở nên khó khăn khi tổng cầu vẫn ở mức yếu, sản lượng hàng sản xuất, số đơn đặt mới hay lao động đều rơi vào trạng thái trì trệ. Xu hướng này tại các quốc gia lớn và có quan hệ thương mại với Việt Nam như Mỹ, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU) đã phần nào làm ảnh hưởng tới sản lượng xuất khẩu của nước ta. Tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 được dự báo vẫn tiếp tục dừng ở mức 2,7% (UNCTAD, 2024), thấp hơn mức bình quân 3% giai đoạn 2011-2019, và sẽ tiếp tục giữ ở mức này trong năm 2025. Điều này phản ánh rằng, các yếu tố bên ngoài vẫn chưa tạo ra động lực đáng kể cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Một điểm sáng trong bức tranh kinh tế toàn cầu là lạm phát tiếp tục giảm tại nhiều quốc gia nhờ vào sự ổn định của giá hàng hóa quốc tế, dù tốc độ giảm đã chậm lại do chi phí dịch vụ và lao động vẫn ở mức cao (hình 2). Dự báo lạm phát toàn cầu cuối năm 2024 đạt khoảng 5,9%, giảm 0,6 điểm % so với năm 2023 và sẽ tiếp tục giảm mạnh trong năm 2025 (IMF, 2024), giúp giảm bớt gánh nặng về lạm phát do chi phí đẩy đối với kinh tế Việt Nam.

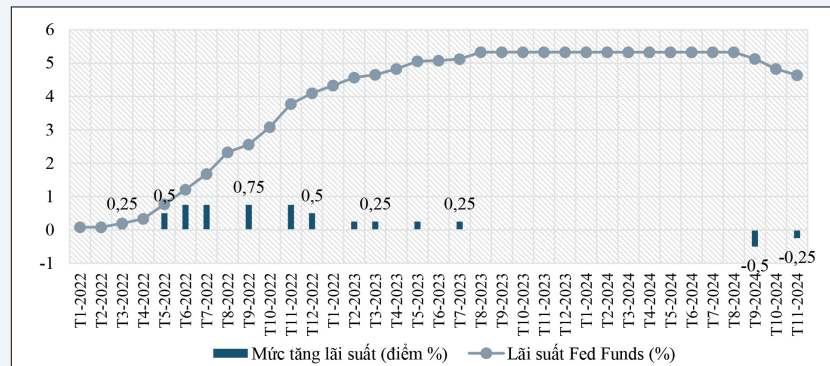
Thứ hai, chính sách tiền tệ của các quốc gia có sự điều chỉnh. Từ tháng 9/2024, sau một thời gian dài thất

chật, Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giảm lãi suất để hỗ trợ thị trường lao động và kinh tế Mỹ, tiếp nối động thái hạ lãi suất trước đó của NHTW châu Âu (ECB) vào giữa năm 2024 nhằm ứng phó tình hình tăng trưởng trì trệ và lạm phát thấp (hình 3). Việc FED hạ lãi suất trong tháng 9, tháng 11 và tháng 12 vừa qua đã tạo ra những tác động mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu: (1) Chi phí vay vốn giảm, kích thích đầu tư và tiêu dùng, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Mỹ, song cũng dẫn đến biến động trên thị trường tài chính khi nhà đầu tư điều chỉnh danh mục để tối ưu lợi nhuận; (2) USD suy yếu sẽ tạo điều kiện cho các đồng tiền khác tăng giá, kéo theo dòng vốn dịch chuyển từ Mỹ

sang các thị trường mới nổi; (3) Tăng áp lực lạm phát lên nhiều nền kinh tế, buộc các NHTW phải điều chỉnh chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

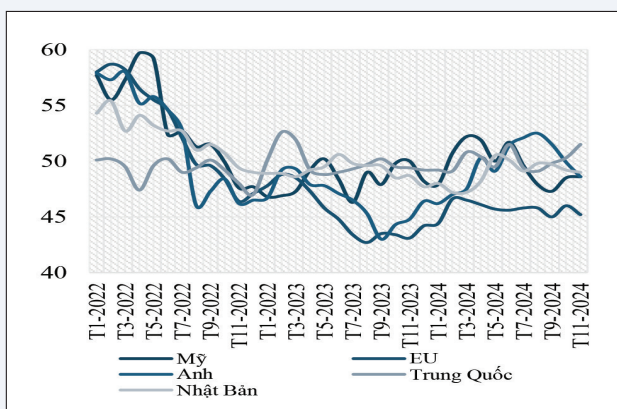
Thứ ba, tại thị trường trong nước, cầu về tiêu dùng đủ phục hồi nhưng vẫn duy trì ở mức thấp. Tính đến tháng 10/2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước, với dự báo sẽ tăng mạnh vào cuối năm theo xu hướng chung. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ các năm trước. Sự tăng trưởng chậm trong tiêu dùng nội địa, cùng với sự phục hồi kinh tế toàn cầu chưa đồng đều, đã tạo ra áp lực lớn đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh trong nước.

HÌNH 3: BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT CỦA FED KỂ TỪ NĂM 2022

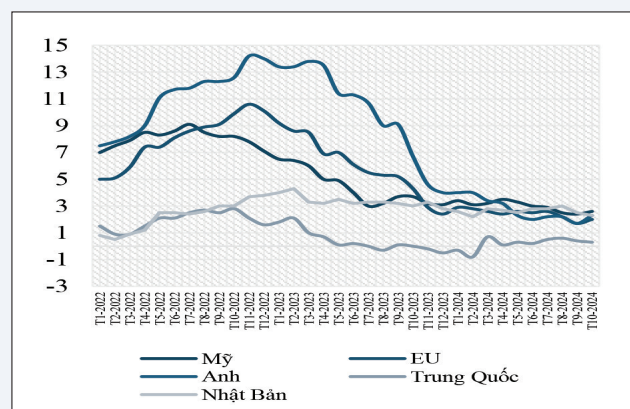


Nguồn: FRED (2024)

HÌNH 1: PMI LĨNH VỰC SẢN XUẤT TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA



HÌNH 2: LẠM PHÁT TỔNG THỂ TẠI MỘT SỐ NỀN KINH TẾ (% YOY)



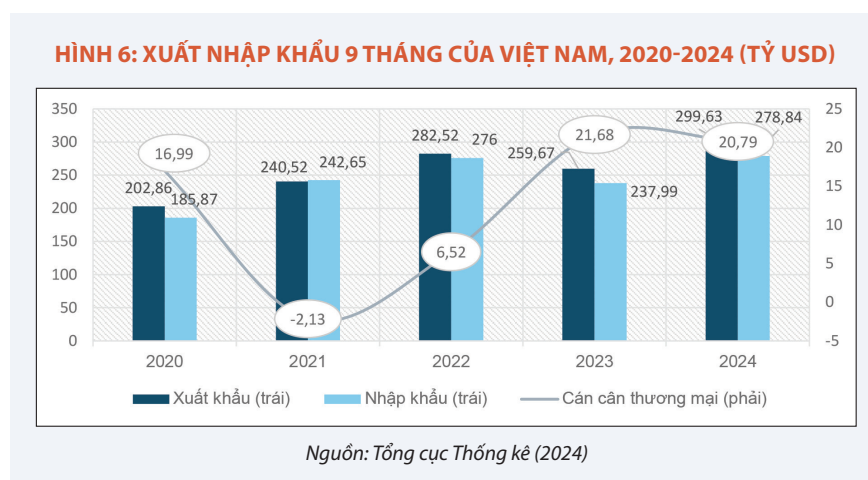
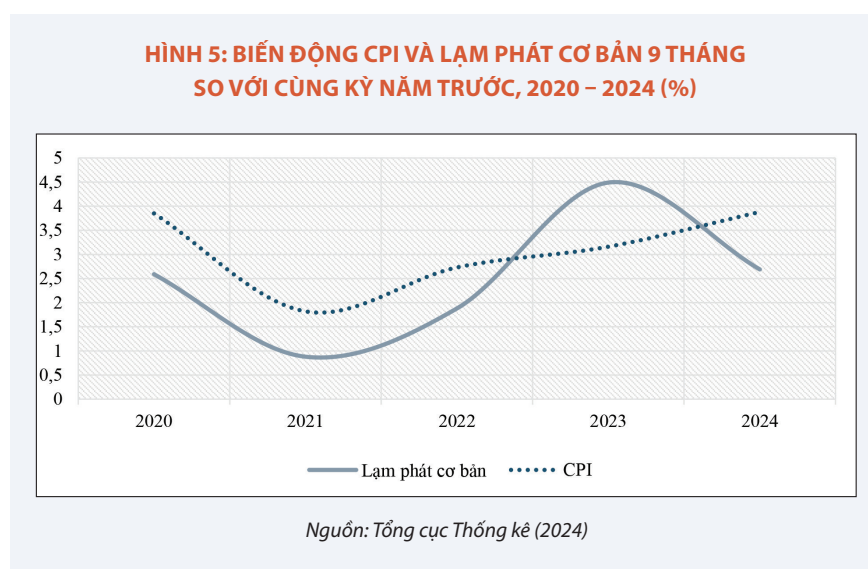
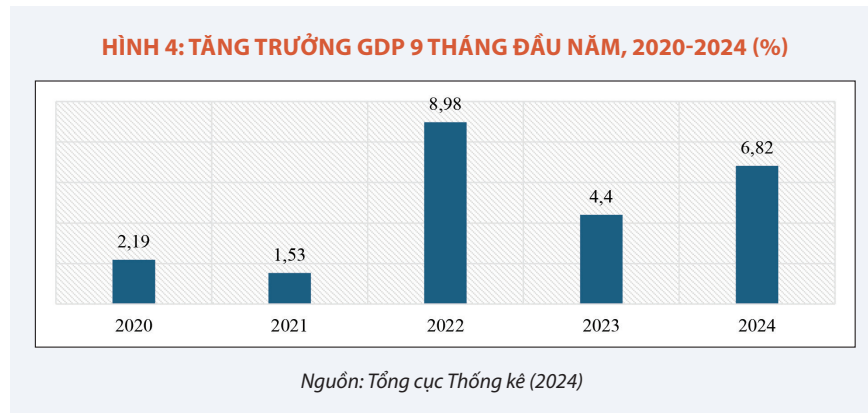
Nguồn: Investing.com

Thứ tư, tình hình thiên tai trong năm 2024 đã làm chậm quá trình phục hồi kinh tế tại một số địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề. Các hiện tượng thời tiết cực đoan, đặc biệt là bão số 3, đã gây tổn thất lớn về sản xuất, thương mại và đời sống của người dân. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng thiệt hại kinh tế do bão số 3 ước tính vượt 81.000 tỷ đồng, phá hủy hàng chục nghìn ngôi nhà, công trình, cùng hàng trăm nghìn ha đất nông nghiệp. Những thiệt hại này đã làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế của các địa phương trong các tháng cuối năm.

Trước những khó khăn trên, chính phủ đã có nhiều biện pháp kịp thời và đồng bộ, vận hành linh hoạt các công cụ chính sách tài khóa và tiền tệ để kích thích tăng trưởng kinh tế. Các chính sách này có thể kể đến như thúc đẩy giải ngân đầu tư công, miễn giảm thuế suất, tăng lương cơ bản, các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế các lĩnh vực ưu tiên, cũng như các chính sách tiền tệ hỗ trợ nền kinh tế. Kết quả là kinh tế Việt Nam năm 2024 đã đạt được những thành tựu đáng kể như:

Tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm 2024 của Việt Nam ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8,98% của 6 tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024 (hình 4). Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng có mức tăng cao nhất (8,2%), đóng góp 46,22% vào tăng trưởng GDP nói chung; tiếp theo là khu vực dịch vụ. Riêng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bão số 3 trong tháng 9/2024 nên tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ các năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ năm 2020 trong giai đoạn 2020-2024.

CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2024 tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước (hình 5). CPI tăng chủ yếu do sự gia tăng của chỉ số giá nhóm một số lĩnh vực, mặt hàng như lương thực, thực phẩm, nhà ở, điện, nước, chất đốt, vật liệu xây dựng, giáo



dục, thuốc và dịch vụ y tế... với các nguyên nhân chủ yếu là do giá năng lượng và thực phẩm toàn cầu tăng mạnh. Sự gia tăng chi phí sản xuất và những thiệt hại sau cơn bão số 3 đã kéo theo sự tăng giá của nhiều mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, ảnh hưởng

trực tiếp đến đời sống của người dân (thực phẩm: 33,6%, và nhà ở: 18,8%, chiếm ưu thế trong rổ CPI).

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tính chung 9 tháng đầu năm 2024, ước đạt 578,47 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó



Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tính chung 9 tháng đầu năm 2024, ước đạt 578,47 tỷ USD

xuất khẩu tăng 15,4%; nhập khẩu tăng 17,3%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,79 tỷ USD, chỉ thấp hơn mức 9 tháng của năm 2023 trong giai đoạn 5 năm gần đây. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 17,38 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 38,17 tỷ USD.

Tới cuối năm 2024, với các chính sách đã được tích cực triển khai,

tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt mức 7,09%. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như sự thu hẹp trong khu vực công; ảnh hưởng từ cơn bão số 3 đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đến thị trường tiêu dùng; rủi ro tỷ giá vào cuối năm 2024 từ việc FED hạ lãi suất và những biến động về kinh tế - chính trị trên thế giới... Điều này đòi hỏi Chính phủ cần tiếp

tục thực hiện những giải pháp quyết liệt nhằm duy trì ổn định tình hình kinh tế - chính trị - xã hội; đảm bảo các cân đối vĩ mô; kiểm soát tốt lạm phát; phát huy hiệu quả, linh hoạt các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đã được đề ra trong các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

2. ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ NĂM 2024

Đứng trước những khó khăn, thách thức và yêu cầu hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, Ngân hàng Nhà nước đã có những điều chỉnh chính sách tiền tệ kịp thời và đồng bộ trong năm 2024.

Thứ nhất, về điều hành tín dụng, Ngân hàng Nhà nước đã mở rộng sự linh hoạt trong điều hành tín dụng thông qua việc giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng ngay từ đầu năm cho các ngân hàng thương mại, đồng thời 2 lần chủ động điều chỉnh room tín dụng vào tháng 8/2024 và tiếp theo là vào tháng 11/2024, căn cứ vào tình hình triển khai thực tế và đánh giá xếp hạng của các tổ chức tín dụng. Kết quả đến hết năm 2024, theo

BẢNG 1: DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG VÀ LẠM PHÁT CỦA VIỆT NAM NĂM 2024 (% YOY)

STT	Tổ chức và thời gian dự báo	GDP	CPI
1	ADB (9/2024)	6	4
2	World Bank (8/2024)	6,1	4,5
3	IMF (9/2024)	6,1	4 - 4,5
4	Quốc hội, Chính phủ (9/2024)	7	4 - 4,5
5	Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) (07/2024)	6,55 - 6,95	3,72 - 3,94
6	Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV (7/2024)	6,3 - 6,5	3,8 - 4,2
7	Công ty cổ phần Chứng khoán TP.HCM (HSC) (10/2024)	6,68	
8	Ngân hàng UOB (Singapore) (10/2024)	6,4	
9	Học viện Ngân hàng (10/2024)	6,8 - 7	4 - 4,5

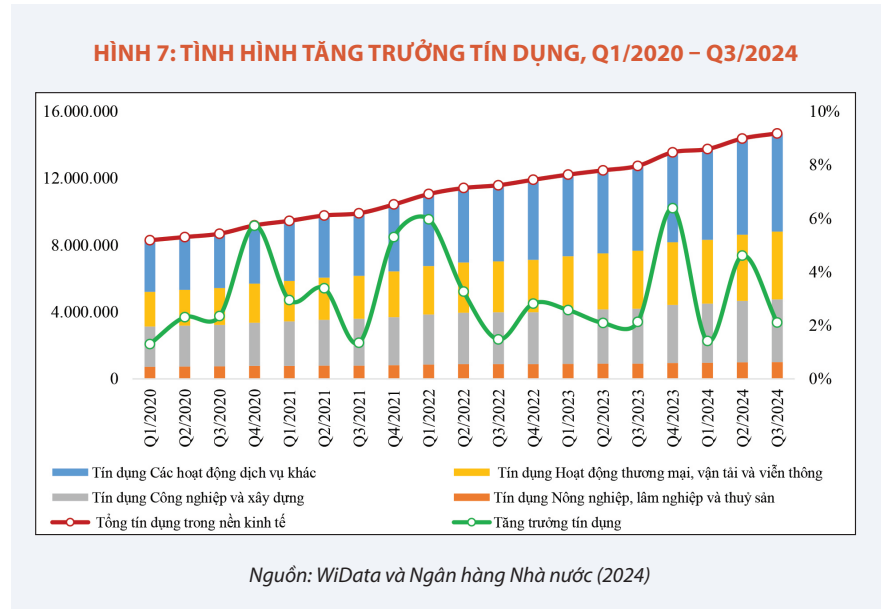
Nguồn: Tổng hợp của tác giả

thống kê của NHNN, tín dụng đạt 15,08%. Tín dụng tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... Mức tăng tín dụng này cho thấy sự cải thiện đáng kể của cầu tín dụng và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế, khi mà kết thúc quý II/2024, tăng trưởng tín dụng mới đạt 6% so với cuối năm 2023. Theo đó, chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng của Chính phủ đã phát huy hiệu quả.

Thứ hai, về điều hành lãi suất, trong cả năm 2024, NHNN không đưa ra thêm sự điều chỉnh nào khác, kể từ đợt giảm liên tiếp lãi suất điều hành vào tháng 6/2023. Lãi suất chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất NHNN cho vay qua đêm để bù đắp thanh khoản duy trì ở mức thấp (3%, 4,5%, và 5%) trong một khoảng thời gian tương đối dài, tạo điều kiện hỗ trợ nền kinh tế thực. Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất liên ngân hàng qua đêm duy trì ổn định quanh mức 3 - 5% trong quý III/2024 phản ánh thanh khoản thắt chặt hơn trong hệ thống sau khi NHNN chủ động rút bớt cung tiền nhằm hạn chế biến động trên thị trường ngoại tệ cũng như tín dụng có dấu hiệu hồi phục trở lại.

Thứ ba, về điều hành tỷ giá, NHNN đã linh hoạt sử dụng nhiều biện pháp nhằm đảm bảo vừa giữ tỷ giá ở mức hợp lý như: Duy trì nguồn cung ngoại tệ doanh nghiệp, giữ ổn định tâm lý nhà đầu tư trong và ngoài nước... Trên thị trường trong nước, trái ngược với diễn biến thế giới, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng, tỷ giá niêm yết tại các NHTM và tỷ giá tự do tiếp tục giảm giá và thu hẹp mức tăng so với cuối năm 2023.

Thứ tư, về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, NHNN tiếp tục thực hiện các biện pháp cải thiện nguồn cung vàng miếng, ổn định thị trường nhằm thu hẹp chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới, kiểm soát chênh lệch giá vàng miếng SJC so với giá vàng thế



giới trong biên độ phù hợp như: đấu thầu vàng và phân phối vàng miếng SJC trực tiếp tới người dân thông qua 4 NHTM nhà nước và Công ty SJC. Giá vàng trong nước mua vào/bán ra mặc dù tăng so với cuối quý II (khoảng 8,5%) tuy nhiên, mức tăng này được đánh giá là nhẹ hơn so với mức tăng của giá vàng thế giới (11%).

Thứ năm, về các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, hành lang pháp lý, hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng tiếp tục được chú trọng hoàn thiện, vừa bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, vừa bám sát tình hình thực tiễn. Đối với các chương trình, gói tín dụng, NHNN tiếp tục chỉ đạo các TCTD đẩy mạnh triển khai các chương trình tín dụng như: Chương trình 120.000 tỷ đồng (nay là 140.000 tỷ đồng) cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư; chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm, thủy sản...

Đặc biệt, ngành Ngân hàng đã khẩn trương, kịp thời thực hiện các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3. NHNN đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-NHNN yêu cầu ngành Ngân hàng thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, góp phần hỗ trợ

người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của bão số 3 và ban hành thông tư quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của bão số 3. Nội dung thông tư cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho các khoản nợ gốc/lãi phát sinh nghĩa vụ khoảng thời gian từ ngày 7/9/2024 đến hết ngày 31/12/2025. Các NHTM không bị giới hạn số lần cơ cấu, miễn là thời gian cơ cấu thời hạn trả nợ không quá 1 năm kể từ ngày được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và thời điểm trả nợ cuối cùng của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ không quá ngày 31/12/2026. Đối tượng được cơ cấu không chỉ bao gồm các khách hàng bị ảnh hưởng trực tiếp từ cơn bão số 3 mà còn là các khách hàng có đối tác bị ảnh hưởng (miễn là trong phạm vi 26 tỉnh như quy định).

3. NHẬN ĐỊNH TRIỂN VỌNG, THÁCH THỨC CHO TĂNG TRƯỞNG VIỆT NAM NĂM 2025

3.1. Triển vọng tăng trưởng của Việt Nam năm 2025

Năm 2025 mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng với kinh tế Việt Nam vì đây năm tăng tốc, bứt phá, về đích; phấn đấu đạt kết quả cao nhất các



Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam với quy mô hơn 67 tỷ USD được Quốc hội thông qua cuối tháng 11/2024 sẽ là một cú hích lớn đối với tăng trưởng kinh tế không chỉ năm 2025 mà còn trong dài hạn

mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Với các động lực phát triển rộng mở, kết hợp với năng lực quản trị, điều hành của Chính phủ và thể chế được cải thiện và nhiều quyết sách đầu tư mới, dự báo triển vọng tăng trưởng năm 2025 của Việt Nam ngày càng trở nên rõ ràng hơn,

Thứ nhất, về tăng trưởng kinh tế, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khóa XV đã đặt ra mục tiêu trong năm 2025, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6,5-7,0% và phần đầu khoảng 7,0-7,5%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.900 đô la Mỹ (USD). Với dư địa về thúc đẩy tiêu dùng trong nước, chỉ tiêu Chính phủ và đầu tư công vẫn còn từ năm 2024, kết hợp với các động lực mới như chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thúc đẩy phát triển du lịch và kinh tế bền vững cũng là nền tảng để hoàn thành mục tiêu năm 2025. Ngoài ra, với nền tảng kinh tế vững chắc được xây dựng trong những năm gần đây, Việt Nam đã khẳng định vị trí của mình như một điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu,

cũng như việc Chính phủ đang đề xuất Quốc hội chủ trương phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho các tỉnh thành, từ đó giảm thủ tục hành chính sẽ là động lực lớn góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực tư nhân. Bên cạnh đó, dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam với quy mô hơn 67 tỷ USD được Quốc hội thông qua cuối tháng 11/2024 sẽ là một cú hích lớn đối với tăng trưởng kinh tế không chỉ năm 2025 mà còn trong dài hạn.

Thứ hai, về lạm phát, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5% trong năm 2025 do Quốc hội đặt ra được đánh giá là phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Theo đó, trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi sau đại dịch COVID-19, nhu cầu tiêu dùng và đầu tư gia tăng sẽ tạo áp lực lên giá cả, đặc biệt trong các lĩnh vực như thực phẩm, năng lượng và dịch vụ. Sự gia tăng chi phí sản xuất do giá nguyên liệu thô toàn cầu tăng có thể tiếp tục ảnh hưởng đến lạm phát trong năm tới. Mặc dù Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp kiểm soát giá cả và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, nhưng các yếu tố như biến đổi khí hậu, thiên tai

hoặc bất ổn địa chính trị có thể làm gia tăng rủi ro cho lạm phát. Do đó, chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát lạm phát. Nếu lãi suất được điều chỉnh hợp lý để hỗ trợ tăng trưởng nhưng vẫn giữ lạm phát trong mức kiểm soát, thì triển vọng lạm phát 4-4,5% có thể được duy trì. Tuy nhiên, cần có sự theo dõi sát sao và điều chỉnh kịp thời để đảm bảo sự ổn định kinh tế và đời sống người dân.

Thứ ba, về điều hành chính sách tiền tệ, trong năm 2025, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước tiếp tục đặt mục tiêu giảm tiếp lãi suất cho vay, tăng trưởng tín dụng duy trì trên 15%, với dòng vốn hướng vào các lĩnh vực ưu tiên, sản xuất kinh doanh. Với việc Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, các mục tiêu then chốt của năm 2025 như hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng, hỗ trợ tăng

trường kinh tế dự kiến sẽ được hoàn thành theo đúng kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, việc FED và các ngân hàng trung ương lớn bắt đầu hạ lãi suất nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế dự kiến sẽ có tác động tích cực tới Việt Nam thông qua việc: (i) Giảm áp lực tỷ giá; (ii) Giảm chi phí lãi các khoản nợ bằng USD; (iii) Tạo điều kiện để Ngân hàng Nhà nước có thêm dư địa điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt hơn.

3.2. Những khó khăn và thách thức

Bên cạnh những triển vọng đã nêu ở trên, tăng trưởng kinh tế Việt Nam vào năm 2025 dự kiến cũng sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức lớn.

Thứ nhất, một trong những thách thức lớn nhất là sự biến động của kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới không ổn định, những yếu tố như lạm phát gia tăng, lãi suất cao và xung đột địa chính trị có thể làm giảm nhu cầu xuất khẩu của Việt Nam. Đặc biệt, sự phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu truyền thống như Mỹ và EU có thể khiến Việt Nam dễ bị tổn thương trước các biến động kinh tế quốc tế.

Thứ hai, Việt Nam cũng đối mặt với áp lực từ cạnh tranh quốc tế ngày càng gia tăng. Sự phát triển của các nước trong khu vực Đông Nam Á, cũng như việc ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do, đã tạo ra một môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn cho các ngành công nghiệp trong nước. Do đó, việc nâng cao năng lực cạnh tranh và đổi mới công nghệ trở thành yêu cầu cấp thiết để

duy trì vị thế trên thị trường quốc tế.

Thứ ba, mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế, nhưng việc phát triển nhanh chóng cũng dẫn đến những hệ lụy về môi trường, như ô nhiễm và suy thoái tài nguyên. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng mà còn làm giảm chất lượng cuộc sống và khả năng phát triển lâu dài của nền kinh tế. Chính phủ cần có các chính sách cụ thể để thúc đẩy phát triển xanh, bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

Thứ tư, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ cũng là một trong những rào cản lớn đối với tăng trưởng. Mặc dù đã có những nỗ lực đầu tư vào hạ tầng giao thông và logistics, nhưng vẫn còn nhiều khu vực chưa được khai thác hiệu quả. Việc cải thiện hạ tầng sẽ giúp giảm chi phí vận chuyển, tăng cường kết nối và thúc đẩy hoạt động thương mại, từ đó tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế.

3.3. Một số giải pháp, khuyến nghị

Để giải quyết những thách thức đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam vào năm 2025, cần có một loạt giải pháp đồng bộ và toàn diện từ cả Chính phủ và các doanh nghiệp.

Thứ nhất, để đối phó với sự biến động của kinh tế toàn cầu, Việt Nam cần đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Việc tìm kiếm và phát triển các thị trường mới, đặc biệt ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, sẽ giúp giảm thiểu rủi ro từ việc phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống. Đồng thời, cải thiện chất lượng sản phẩm và nâng cao giá trị gia tăng của hàng hóa xuất khẩu sẽ là yếu tố quan trọng

để cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Thứ hai, nâng cao năng lực cạnh tranh là một ưu tiên hàng đầu. Chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ và cải thiện quy trình sản xuất thông qua các chính sách khuyến khích nghiên cứu và phát triển (R&D). Đồng thời, cần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn và công nghệ hiện đại. Việc xây dựng các cụm công nghiệp tập trung cũng sẽ giúp gia tăng tính cạnh tranh và hiệu suất sản xuất.

Thứ ba, vấn đề phát triển bền vững cũng cần được chú trọng. Chính phủ nên thực hiện các chính sách khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ xanh. Các chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường cần được triển khai rộng rãi nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của phát triển bền vững. Đồng thời, việc thực hiện các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường trong các ngành công nghiệp sẽ giúp giảm thiểu ô nhiễm và suy thoái tài nguyên.

Thứ tư, để khắc phục tình trạng cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, Chính phủ cần đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng giao thông, logistics và công nghệ thông tin. Các dự án hạ tầng cần được ưu tiên và thực hiện một cách bài bản, đảm bảo tính bền vững và khả năng kết nối. Việc thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân và nước ngoài vào các dự án hạ tầng cũng là một giải pháp hiệu quả, giúp giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước ♦

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- FRED (2024). Federal Reserve Economic Data. Truy cập ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại: <https://fred.stlouisfed.org/series/FEDFUNDS>
- IMF (2024). World Economic Outlook. Truy cập ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại: <https://www.imf.org/en/Publications/WEO>
- Tổng Cục thống kê (2024). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2024. Truy cập ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2024/10/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2024/>
- UNTAD (2024). Trade and Development Report 2024. Truy cập ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại: <https://unctad.org/publication/trade-and-development-report-2024>
- Viện Nghiên cứu khoa học Ngân hàng (2024). Báo cáo Ngành Ngân hàng Quý III/2024, Truy cập 04 tháng 12 năm 2024 tại: <https://hvn.edu.vn/nckh/vi/nghien-cuu-chuyen-de/bao-cao-nganh-ngan-hang-viet-nam-quy-3-nam-2024-phan-1-kinh-te-vi-mo-vung-vang-tang-truong-giua-bien-dong-toan-cau-638.html>